

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2023

I. Thông tin chung

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định
- Mã trường: **C25**
- Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu): Trường có 01 cơ sở đào tạo, tại số 813 đường Trường Chinh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <https://cdspnd.edu.vn>
- Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh): <https://www.facebook.com/tscdspnd>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: **0228.3636.599**
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp
<https://cdspnd.edu.vn/tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2022/>

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Giáo dục Mầm non (K41)	Cao đẳng	39	19	16	93.75
Tổng		39	19	16	

- Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

<https://cdspnd.edu.vn/category/tuyen-sinh/cao-dang-chinh-quy-tuyen-sinh/>

- 8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Phương thức tuyển sinh của năm 2021, năm 2022 là xét tuyển hoặc xét tuyển kết hợp kết quả thi năng khiếu và điểm thi TN THPT cùng năm, điểm học bạ.

- 8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Khối ngành/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2021			Năm tuyển sinh 2022		
	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
Nhóm ngành I: Ngành GD Mầm non - Chương trình GD Mầm non <i>Tổ hợp 1: Toán, Văn, Năng khiếu</i> <i>Tổ hợp 2: Văn, Sinh, Năng khiếu</i>	439	63	17			

- Chương trình GD Mầm non + Tổ hợp 1 (M00): Toán, Ngữ văn, Năng khiếu + Tổ hợp 2 (M25): Ngữ văn, GD CD, Năng khiếu + Tổ hợp 3 (C00): Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý + Tổ hợp 4 (C18): Ngữ văn, Sinh học, GD CD				97	31	17
- Chương trình GD Mầm non - TA + Tổ hợp 1 (M10): Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu + Tổ hợp 2 (M11): Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu + Tổ hợp 3 (D01): Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh + Tổ hợp 4 (D66): Ngữ văn, Tiếng Anh, GD CD				20	17	17
Tổng				117	48	X

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

<https://cdspnd.edu.vn/quyet-dinh-cho-phep-truong-cdsp-nam-dinh-dao-tao-giao-vien-mam-non-co-trinh-do-cao-dang/>

T T	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	Giáo dục Mầm non	51140201	511/QĐ/B GD&ĐT	19/3/1998			Bộ GD&ĐT	1998	2022

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

<https://cdspnd.edu.vn/bao-cao-cac-dieu-kien-dam-bao-chat-luong-nam-2023/>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT

<https://cdspnd.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-nam-2023/>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

<https://cdspnd.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non/>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển, kết hợp xét tuyển và thi năng khiếu.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển			
							Tổ hợp môn 1	Tổ hợp môn 2	Tổ hợp môn 3	Tổ hợp môn 4
1.	Cao đẳng	51140201 _1	Giáo dục Mầm non	100	Xét kết quả thi TN THPT	100	M00	M25	C00	C19
				200	Xét kết quả học tập THPT					
				405	Kết hợp kết quả thi TN THPT với điểm thi năng khiếu					
				406	Kết hợp kết quả học tập THPT với điểm thi năng khiếu					
2.	Cao đẳng	51140201 _2	Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh	100	Xét kết quả thi TN THPT	150	M10	M11	D01	D66
				200	Xét kết quả học tập THPT					
				405	Kết hợp quả thi TN THPT với điểm thi năng khiếu					
				406	Kết hợp kết quả học tập THPT với điểm thi năng khiếu					

* Căn cứ vào kết quả tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh sẽ điều chỉnh chỉ tiêu để hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh và đảm bảo không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của thí sinh.

1.5. Ngưỡng đầu vào: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

- Mã trường: C25

- Tên ngành học: Giáo dục Mầm non (có 2 chương trình học)

- Mã ngành chuẩn: 51140201

- Chương trình Giáo dục Mầm non: Mã chương trình: 51140201_1; tổ hợp môn xét tuyển M00, M25, C00, C19.

+ Tổ hợp môn xét tuyển 1 (C00): Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý

+ Tổ hợp môn xét tuyển 2 (C19): Ngữ văn, Lịch sử, GDCD

+ Tổ hợp môn xét tuyển 3 (M00): Toán, Ngữ văn, Năng khiếu

+ Tổ hợp môn xét tuyển 4 (M25): Ngữ văn, GDCD, Năng khiếu

- Chương trình Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh: Mã chương trình: 51140201_2; tổ hợp môn xét tuyển M10, M11, D01, D66.

+ Tổ hợp môn xét tuyển 1 (D01): Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

+ Tổ hợp môn xét tuyển 2 (D66): Ngữ văn, Tiếng Anh, GDCD

+ Tổ hợp môn xét tuyển 3 (M10): Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu

+ Tổ hợp môn xét tuyển 4 (M11): Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu

- Chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: 0 điểm

- Căn cứ xét tuyển:

+ Xét tuyển điểm học tập THPT (học bạ): Điểm tổng kết cuối năm lớp 12 các môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển và kết quả thi môn năng khiếu “Đọc - kể diễn cảm và hát” (nếu có);

+ Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023: Điểm thi tốt nghiệp THPT 2023 các môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển và kết quả thi môn năng khiếu “Đọc - kể diễn cảm và hát” (nếu có).

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

+ Chương trình Giáo dục Mầm non: Ưu tiên xét tuyển thí sinh có điểm môn Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển có điểm cao hơn khi thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau (nếu thí sinh có điểm môn Ngữ văn bằng nhau thì ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển cao hơn);

+ Chương trình Giáo dục Mầm non - Tiếng Anh: Ưu tiên xét tuyển thí sinh có điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển có điểm cao hơn khi thí sinh

có điểm xét tuyển bằng nhau (nếu thí sinh có điểm môn Tiếng Anh bằng nhau thì ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển cao hơn).

- Công nhận điểm thi năng khiếu tương đương: Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định công nhận điểm môn thi năng khiếu tương đương nếu thí sinh đã dự thi và có kết quả năm 2023 tại các trường cao đẳng, đại học công lập trên toàn quốc. Để sử dụng điểm thi năng khiếu tại các trường khác khi xét tuyển, thí sinh cần bổ sung vào hồ sơ dự tuyển Giấy báo kết quả thi năng khiếu (bản gốc, có đóng dấu của Hội đồng tuyển sinh trường đã dự thi), trên đó ghi rõ tên môn thi và điểm thi năng khiếu.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển

a) Điều kiện nhận hồ sơ: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT (học bạ): Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

b) Thời gian, hình thức xét tuyển

* Xét tuyển sớm:

- Thời gian đăng ký (dự kiến): từ 01/5 đến 17h00 ngày 15/6/2023
- Điều kiện xét tuyển sớm: Thí sinh đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT và sử dụng các tổ hợp môn không có môn năng khiếu.
- Hồ sơ xét tuyển sớm gồm:
 - + Phiếu đăng ký xét tuyển sớm (Mẫu 1);
 - + Bản sao công chứng Học bạ THPT hoặc tương đương;
 - + Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2023);
 - + Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có ưu tiên).
- Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

* Xét tuyển đợt 1:

- Thí sinh phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên hệ thống của Bộ GDĐT theo kế hoạch chung của Bộ.
- Hình thức: Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2023 sử dụng phương thức xét kết quả học tập THPT, sau khi đăng ký trên hệ thống của Bộ GDĐT phải nộp hồ sơ xét tuyển về trường trước ngày hết hạn đăng ký trên hệ thống của Bộ, hồ sơ xét tuyển gồm:
 - + Bản sao công chứng Học bạ THPT hoặc tương đương;
 - + Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
 - + Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có ưu tiên);

+ Giấy báo KQ thi năng khiếu tại trường khác (nếu có).

*** Xét tuyển bổ sung:**

- Căn cứ vào kết quả tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh quyết định kế hoạch tổ chức xét tuyển bổ sung, thời gian cụ thể sẽ được công khai trên website của trường;

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển bổ sung gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển;

+ Bản sao công chứng học bạ THPT (nếu xét tuyển sử dụng học bạ THPT);

+ Bản sao công chứng kết quả thi THPT 2023 (nếu xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023);

+ Bản sao công chứng bằng (nếu tốt nghiệp trước năm 2023)/giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT;

+ Giấy báo KQ thi năng khiếu tại trường khác (nếu có);

+ Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

c) Thi năng khiếu: Hồ sơ dự thi năng khiếu gồm

- Hồ sơ thi năng khiếu gồm: Phiếu đăng ký thi năng khiếu (*Mẫu 2*); 2 ảnh 3x4;

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự thi năng khiếu đợt 1 (dự kiến): từ 01/7 đến 11h00 ngày 20/7/2023; tổ chức thi năng khiếu ngày 22, 23/7/2023;

- Căn cứ vào kết quả tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh quyết định tổ chức thi năng khiếu các đợt tiếp theo, thời gian cụ thể sẽ được công khai trên website của trường.

1.8. Chính sách ưu tiên: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Xét tuyển thẳng với thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non loại giỏi hoặc thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non loại khá đã làm việc theo nghề tại cơ sở giáo dục mầm non 2 năm, đáp ứng quy định tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*Ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-CĐSP ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định*);

- Căn cứ xét tuyển thẳng: Lấy theo độ dốc điểm xếp loại tốt nghiệp trung cấp sư phạm của người dự xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu tuyển thẳng;

- Hồ sơ xét tuyển thẳng:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (*Mẫu 3*);

+ Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT;

+ Bản sao có công chứng bằng điểm và bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non;

+ Riêng bằng tốt nghiệp loại khá cần có minh chứng xác nhận đã làm giáo viên mầm non ít nhất 2 năm tính đến ngày xét tuyển của cơ sở giáo dục mầm non;

- Nhận hồ sơ xét tuyển thẳng (dự kiến) từ 01/5/2022 đến 17h00 ngày 30/6/2023, xét tuyển thẳng 01 lần ngày 03/7/2023. Nhận hồ sơ xét tuyển thẳng trực tiếp tại phòng Đào tạo - NCKH hoặc chuyển phát nhanh qua bưu điện. Trường hợp qua bưu điện, thời hạn được xét theo dấu bưu điện.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lệ phí dự thi năng khiếu (dự kiến): 300.000 đồng.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Không

1.11. Thời gian (dự kiến) tuyển sinh các đợt trong năm

- Xét tuyển sớm: từ 01/5 đến 17h00 ngày 15/6/2023
- Xét tuyển đợt 1: từ 01/7/2023 đến 30/8/2023
- Xét tuyển bổ sung: Từ tháng 09/2023

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro

Trường cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: Không

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo: Không

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học: Không

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 21.474.000 đồng

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh

1.15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển tuyển sinh cao đẳng mầm non.

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Trần Xuân Kiều	GĐ TT Khảo thí – TS&DVGD	0949.631.580	kieutnd@gmail.com
2	Đỗ Hoàng Kim	Phó GĐ TT Khảo thí – TS&DVGD	0912.716.899	kimhcth@gmail.com
3	Trịnh Thị Quỳnh	Trưởng phòng ĐT	0859.799.276	ngocquynh2225@gmail.com
4	Lại Văn Lãm	Chuyên viên phòng ĐT	0987.049.355	vietlamnd@gmail.com

2. Tuyển sinh cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên: Không

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: (Mẫu số 01)

Đường link: <https://cdspnd.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao-cao-dang-vlvh-2023-voi-doi-tuong-tot-nghiep-tu-trung-cap-tro-len/>

Cán bộ kê khai

Họ và tên: Lại Văn Lãm
SĐT: 0987049355
Email: vietlamnd@gmail.com

Nam Định, ngày 29 tháng 3 năm 2023.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



**HIỆU TRƯỞNG
TRẦN NGỌC HIỂN**

Mẫu số 01: Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT: Không

2. Tuyển sinh đào tạo cao đẳng vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non và có bằng tốt nghiệp THPT (nếu chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành).

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

T T	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	500	Sử dụng phương thức khác	120	511/QĐ/BGD &ĐT	19/3/1 998	Bộ GD&ĐT	2014

2.5. Ngưỡng đầu vào

Thí sinh tốt nghiệp trung cấp (trung học) sư phạm mầm non hạng Trung bình.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

- Đào tạo liên thông vừa làm vừa học thực hiện tại trường hoặc cơ sở liên kết đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT, thời gian học phù hợp với người đi làm.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo

- **Mã trường:** C25; Mã ngành: 51140201

- **Căn cứ xét tuyển:** Lấy theo độ dốc điểm trung bình học tập trung cấp (trung học) sư phạm của người dự xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu.

- **Tiêu chí phụ:** Điểm xét tốt nghiệp.

- **Hồ sơ đăng ký xét tuyển:**

- + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu (Mẫu 4);
- + Giấy khai sinh (bản sao) hoặc công chứng;
- + Bản sao có công chứng bằng điểm và bằng (hoặc giấy chứng nhận) tốt nghiệp Trung cấp sư phạm Mầm non;
- + Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình phổ thông.

- **Nhận hồ sơ xét tuyển:** Thí sinh có thể nộp trực tiếp tại phòng Đào tạo của trường (phòng 305 nhà hiệu bộ) hoặc qua đường bưu điện (thời hạn theo dấu bưu điện).

2.8. Chính sách ưu tiên: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

- Lệ phí xét tuyển: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

- *Học phí dự kiến 370.000đ/tháng*

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

- Kế hoạch cụ thể thông báo trên website của trường

2.12 Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển cao đẳng mầm non.

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Trần Xuân Kiều	GD TT Khảo thí – TS&DVGD	0949.631.580	kieutnd@gmail.com
2	Đỗ Hoàng Kim	Phó GD TT Khảo thí – TS&DVGD	0912.716.899	kimhcth@gmail.com
3	Nguyễn Thị Hoài Thu	Phó Trưởng phòng ĐT	0987.211.883	hoaithu83_nd@yahoo.com
4	Đặng Thị Thu Hà	Chuyên viên phòng ĐT	0912.041.289	dangthuha198@gmail.com

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng**CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG****1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022 (Người học)**

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
B	ĐẠI HỌC		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		227
6	Cao đẳng chính quy	51140201	140
6.1	Chính quy		140
6.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		0
6.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		0
7	Cao đẳng vừa làm vừa học		87
7.1	Vừa làm vừa học		0
7.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		87
7.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		0

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 2.8

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 640 chỗ, đủ đáp ứng nhu cầu ở của người học

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

ST T	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	78	4329
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	269
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	109
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	35	2422
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	25	726
1.5	Số phòng học đa phương tiện	4	302

1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	12	501.9
2	Thư viện, trung tâm học liệu	4	259.3
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	2	653.8
	Tổng	84	5242

2.2. Các thông tin khác

- Nhà trường miễn phí chỗ ở ký túc xá trong toàn khóa học.

3. Danh sách giảng viên

3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian tính đến ngày 31/12/2022

Stt	Họ và tên		Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Đặng Thuý	An		Thạc sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
2	Trần Đại	An		Thạc sĩ	Hóa học	Giáo dục Mầm non	
3	Lê Thị Lan	Anh		Thạc sĩ	Sinh học	Giáo dục Mầm non	
4	Nguyễn Ngọc	Ánh		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
5	Phùng Gia	Bách		Tiến sĩ	Lịch sử	Giáo dục Mầm non	
6	Phạm Văn	Chinh		Thạc sĩ	Lịch sử	Giáo dục Mầm non	
7	Đình Thành	Công		Thạc sĩ	Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
8	Nguyễn Minh	Cường		Thạc sĩ	Mĩ thuật	Giáo dục Mầm non	
9	Nguyễn Thị Thu	Dịu		Thạc sĩ	Hóa học	Giáo dục Mầm non	
10	Đỗ Văn	Dur		Thạc sĩ	Tin học	Giáo dục Mầm non	
11	Vũ Thị Kim	Dung		Thạc sĩ	Chủ nghĩa XHKH	Giáo dục Mầm non	
12	Hoàng	Giang		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
13	Bùi Thị Thu	Hà		Thạc sĩ	Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
14	Bùi Thu	Hà		Thạc sĩ	Sinh học	Giáo dục Mầm non	
15	Đặng Thị Thu	Hà		Thạc sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
16	Lê Thị Thanh	Hà		Thạc sĩ	Tiểu học	Giáo dục Mầm non	
17	Nguyễn Thị	Hằng		Thạc sĩ	Toán	Giáo dục Mầm non	
18	Nguyễn Thị Kim	Hằng		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
19	Đặng Thị Mai	Hiên		Thạc sĩ	Tâm lí giáo dục	Giáo dục Mầm non	
20	Đỗ Thị	Hiên		Thạc sĩ	Hóa học	Giáo dục Mầm non	
21	Trần Thị	Hoa		Thạc sĩ	Tin học	Giáo dục Mầm non	
22	Hoàng Thị	Hòa		Thạc sĩ	Toán	Giáo dục Mầm non	

23	Đào Thị Thanh	Hoài		Thạc sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
24	Nguyễn Thị	Hồng		Thạc sĩ	Tin học	Giáo dục Mầm non	
25	Phạm Thị	Huế		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
26	Tạ Thị	Huệ		Thạc sĩ	Tâm lí giáo dục	Giáo dục Mầm non	
27	Trần Thị	Huệ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
28	Vũ Văn	Hùng		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng	Giáo dục Mầm non	
29	Phạm Ngọc	Hung		Thạc sĩ	Mĩ thuật	Giáo dục Mầm non	
30	Lê Thị Thanh	Hương		Thạc sĩ	Chính trị	Giáo dục Mầm non	
31	Nguyễn Thị Lan	Hương		Thạc sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
32	Vũ Thị Thanh	Hương		Thạc sĩ	Địa lí	Giáo dục Mầm non	
33	Vũ Quốc	Khánh		Thạc sĩ	Sinh học	Giáo dục Mầm non	
34	Nguyễn Trung	Kiên		Tiến sĩ	Kĩ thuật công nghiệp	Giáo dục Mầm non	
35	Trần Xuân	Kiều		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
36	Đỗ Hoàng	Kim		Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
37	Trần Thị Tuyết	Lan		Thạc sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
38	Đào Thị Anh	Lê		Tiến sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
39	Vũ Thị Thuỳ	Linh		Thạc sĩ	Hóa học	Giáo dục Mầm non	
40	Đinh Thị	Loan		Thạc sĩ	Toán	Giáo dục Mầm non	
41	Hoàng Thị Phương	Loan		Thạc sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
42	Nguyễn Văn	Long		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
43	Trần Thị Ban	Mai		Thạc sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
44	Trần Thị	Mai		Thạc sĩ	Hóa học	Giáo dục Mầm non	
45	Vũ Thị	Mai		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
46	Vũ Thị	Mai		Thạc sĩ	Tâm lí giáo dục	Giáo dục Mầm non	
47	Ngô Văn	Nam		Thạc sĩ	Mĩ thuật	Giáo dục Mầm non	
48	Lê Thị	Ngoãn		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
49	Trần Minh	Nguyệt		Thạc sĩ	Kĩ thuật công nghiệp	Giáo dục Mầm non	
50	Phạm Thị	Nhạn		Thạc sĩ	Kĩ thuật công nghiệp	Giáo dục Mầm non	
51	Nguyễn Thị Hồng	Nhị		Thạc sĩ	Hóa học	Giáo dục Mầm non	
52	Hà Thị Hồng	Nhung		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
53	Vũ Thị	Oanh		Thạc sĩ	Tâm lí giáo dục	Giáo dục Mầm non	
54	Bùi Văn	Quang		Thạc sĩ	Giáo dục quốc phòng	Giáo dục Mầm non	
55	Trịnh Thị	Quỳnh		Thạc sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
56	Nguyễn Văn	Sáng		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
57	Phạm Thị Minh	Tâm		Thạc sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
58	Trần Thị	Tâm		Thạc sĩ	Chủ nghĩa XHKH	Giáo dục Mầm non	

59	Nguyễn Đức	Thắng		Đại học	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
60	Trần Phương	Thanh		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
61	Lưu Chí	Thành		Thạc sĩ	Mỹ thuật	Giáo dục Mầm non	
62	Đặng Thị Thu	Thảo		Thạc sĩ	Tâm lí giáo dục	Giáo dục Mầm non	
63	Trần Đức	Thịnh		Thạc sĩ	Giáo dục quốc phòng	Giáo dục Mầm non	
64	Đặng Văn	Thoại		Thạc sĩ	Toán	Giáo dục Mầm non	
65	Mai Bích	Thu		Thạc sĩ	Tâm lí giáo dục	Giáo dục Mầm non	
66	Nguyễn Thị Hoài	Thu		Thạc sĩ	Địa lí	Giáo dục Mầm non	
67	Ngô Thị	Thục		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng	Giáo dục Mầm non	
68	Bùi Thị	Thúy		Thạc sĩ	Mầm non	Giáo dục Mầm non	
69	Bùi Thị Thanh	Thúy		Thạc sĩ	Toán	Giáo dục Mầm non	
70	Phạm Thanh	Thúy		Thạc sĩ	Mầm non	Giáo dục Mầm non	
71	Đinh Thị Chung	Thùy		Thạc sĩ	Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
72	Triệu Quỳnh	Trang		Tiến sĩ	Vật lí	Giáo dục Mầm non	
73	Đỗ Minh	Tuân		Thạc sĩ	Toán	Giáo dục Mầm non	
74	Ngô Anh	Tuấn		Thạc sĩ	Địa lí	Giáo dục Mầm non	
75	Phạm Văn	Tuấn		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
76	Hoàng Thanh	Tùng		Đại học	Toán	Giáo dục Mầm non	
77	Trần Thị	Vân		Thạc sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
78	Vũ Tiến	Văn		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
79	Nguyễn Thị	Yến		Thạc sĩ	Lịch sử	Giáo dục Mầm non	
	Tổng số giảng viên toàn trường					79	

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Vũ Thị Hồng Giang		Thạc sĩ	Mầm non	Giáo dục Mầm non	
2	Nguyễn Thị Hương Cúc		Thạc sĩ	Mầm non	Giáo dục Mầm non	